TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ	*Nậm Nhùn, ngày 22 tháng 01năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị H**, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Bản Nậm Hài, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Anh **Lường Văn V**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Bản Nậm Hài, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu**. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1980. Chức vụ: Phó Giám đốc – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

+ **Hội nông dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu**. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Pá Kéo, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Lê Doãn Tr**, sinh năm: 1985. Chức vụ: Phó Chủ tịch – Hội nông dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Tổ dân phố Pá Kéo, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

- Về nuôi con chung: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V có 02 con chung: Con thứ nhất tên là Lường Văn Ng, sinh ngày 10/10/2005; Con thứ hai tên là Lường Thị Huyền Th, sinh ngày 05/12/2012. Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V thống nhất: Sau khi ly hôn anh Lường Văn V là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lường Thị Huyền Th, sinh ngày 05/12/2012 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Lường Văn Ng đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung là cháu Lường Thị Huyền Th, sinh ngày 05/12/2012 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: Từ ngày 15/02/2025 cho đến khi con chung là cháu Lường Thị Huyền Th trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Phương thức cấp dưỡng: Chuyển khoản qua số tài khoản: 7808205047404 – Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu – Chủ tài khoản: Lường Văn V.

- Thời gian nộp tiền cấp dưỡng: Từ ngày 20 đến 30 hàng tháng.

Kể từ ngày anh Lường Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đoàn Thị H không thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng chị Đoàn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Đoàn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đoàn Thị H thực hiện quyền này.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V xác nhận có 03 khoản nợ chung như sau: 02 khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu có mã khách hàng là 1500014212, với tổng số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*, trong đó: 01 khoản vay số tiền là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, ngày 09/4/2020 với mục đích mua bò sinh sản và 01 khoản vay số tiền là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, ngày 07/05/2020 với mục đích xây bể nước, nhà vệ sinh; 01 khoản vay Quỹ hỗ trợ nông

dân của Hội nông dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu theo Hợp đồng vay vốn số: 187/HĐVV ngày 08/9/2022 với số tiền là 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*, mục đích mua bò sinh sản. Tổng cả 03 khoản nợ trên là 150.000.000 đồng *(Một trăm mươi triệu đồng)*. Tính đến thời điểm hiện tại anh V và chị H vẫn đang thực hiện việc trả lãi hàng tháng nhưng chưa trả được cho Ngân hàng và Hội nông dân khoản tiền nợ gốc nào. Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V thống nhất, thỏa thuận cụ thể như sau:

+ Đối với chị Đoàn Thị H: Sau khi ly hôn chị H sẽ có trách nhiệm trả cho Hội nông dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)* theo Hợp đồng vay vốn số: 187/HĐVV ngày 08/9/2022 và chưa bao gồm lãi suất vay theo quy định của Quỹ hỗ trợ nông dân, cho đến khi chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của mình đối với bên cho vay. *(Thỏa thuận này được sự nhất trí của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội nông dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu).*

+ Đối với anh Lường Văn V: Sau khi ly hôn anh V sẽ có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu 02 khoản nợ gốc theo Sổ vay vốn có mã khách hàng là 1500014212 với tổng số tiền là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*, trong đó: 01 khoản vay số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, ngày 09/4/2020 và 01 khoản vay số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, ngày 07/05/2020 và chưa bao gồm lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng, cho đến khi anh V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của mình đối với bên cho vay. *(Thỏa thuận này được sự nhất trí của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu).*

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H và anh Lường Văn V mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đoàn Thị H phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Đoàn Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả tiền án phí mà anh Lường Văn V phải chịu. Tổng cộng chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình. Xác nhận chị Đoàn Thị H đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000475, ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- CCTHADS huyện Nậm Nhùn;

THẨM PHÁN

- UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- Lưu hồ sơ./.

Lý Đức Hiệp